

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHƯỚC
TỈNH TIỀN GIANG**

Bản án số: **48/2023/HNGĐ-ST**

Ngày 24-8-2023

V/v “tranh chấp ly hôn và nuôi
con chung”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHƯỚC, TỈNH TIỀN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Thạch Hải Âu.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Thương.

2. Bà Trần Thị Thu Thảo.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Minh Thành –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa: Bà Kiều Thị Mỹ Tiên – Kiểm sát viên.

Vào ngày 24 tháng 8 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 108/2023/TLST-HNGĐ ngày 26 tháng 5 năm 2023 về “tranh chấp ly hôn và nuôi con chung” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 49/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 7 năm 2023 và Quyết định hoãn phiên tòa số 34/2023/QĐST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2023, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh **Trần V P**, sinh năm 1989.

Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

2. *Bị đơn:* Chị **Châu T M**, sinh năm 1987.

Nơi cư trú: Ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang.

(Anh P có mặt; chị M vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

***Tại đơn khởi kiện, bản tự khai ngày 10/5/2023, quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn anh Trần V P trình bày:**

- Về quan hệ hôn nhân: Anh và chị Châu T M tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp, tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 10/3/2016.

Quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Đến năm 2022, thì có phát sinh cự cãi, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng đã nhẫn nhịn để tìm cách hàn gắn vợ chồng. Đến đầu năm 2023, chị M đã tự ý đưa 02 con chung về quê ở thị xã V, tỉnh Sóc Trăng sinh sống và cắt đứt mọi liên lạc đến nay. Nay, anh Trần V P yêu cầu Tòa án giải quyết cho anh được ly hôn với chị Châu T M.

- Về con chung: Quá trình sống chung, giữa anh P và chị M có 02 con chung là cháu Trần V Q, sinh ngày 18/4/2013 và cháu Trần Q D, sinh ngày 21/01/2016. Hiện các con chung đang sống cùng chị M, khi ly hôn anh P đồng ý tiếp tục giao 02 cháu Q, D cho chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục. Anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung cho các con chung 2.000.000 đồng/tháng/con chung.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có.

*** Bị đơn chị Châu T M:**

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị M, tuy nhiên chị M không có văn bản trình bày ý kiến của mình đối với ý kiến, yêu cầu của anh P.

Tại phiên tòa hôm nay:

* Nguyên đơn anh Trần V P giữ nguyên yêu cầu khởi kiện ly hôn với chị Châu T M.

- Về con chung: Giao 02 cháu Trần V Q và Trần Q D cho chị M được trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng, giáo dục các con chung. Về cấp dưỡng nuôi con chung, khi nào chị M có yêu cầu thì anh P sẽ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

* Bị đơn chị Châu T M đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không lý do tại phiên tòa.

*** Ý kiến của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa:**

- Về tố tụng, trong giai đoạn chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm.

- Về nội dung, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Châu T M của anh Trần V P.

Về con chung: Đề nghị Hội đồng xét xử giao các con chung giữa anh P và chị M là các cháu Trần V Q, sinh ngày 18/4/2013 và cháu Trần Q D, sinh ngày 21/01/2016 cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P chưa phải cấp dưỡng nuôi con do chưa có yêu cầu. Ngoài ra, đề nghị Hội đồng xét xử buộc nguyên đơn chịu án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa và kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. *Về quan hệ pháp luật tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:* Nguyên đơn anh Trần V P yêu cầu ly hôn với chị Châu T M và yêu cầu giải quyết về con chung. Tại Phiếu xác nhận thông tin về nơi cư trú của Công an xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang ngày 24/7/2023 xác nhận chị M có nơi thường trú tại ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang nên Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án này là “*tranh chấp ly hôn và nuôi con chung*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Tân Phước, tỉnh Tiền Giang theo quy định tại Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. *Về sự vắng mặt của các đương sự:* Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, bị đơn chị Châu T M vắng mặt, Tòa án đã tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng cho chị M theo đúng quy định tại Điều 179 của Bộ luật Tố tụng dân sự nhưng chị M vẫn vắng mặt không lý do. Căn cứ vào quy định tại Điểm a Khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt chị M.

[3]. *Về quan hệ hôn nhân:* Anh Trần V P và chị Châu T M tự tìm hiểu, quen biết và được gia đình tác hợp, tổ chức lễ cưới vào năm 2016. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang theo giấy chứng nhận kết hôn số 26 ngày 10/3/2016. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp.

Theo anh P trình bày, quá trình sống chung, trong khoảng thời gian đầu đời sống vợ chồng không mâu thuẫn gì. Đến năm 2022, thì có phát sinh cự cãi, bất đồng quan điểm. Hai vợ chồng đã nỗ lực để tìm cách hàn gắn vợ chồng. Đến đầu năm 2023, chị M đã tự ý đưa 02 con chung về quê ở thị xã V, tỉnh Sóc Trăng sinh sống và cắt đứt mọi liên lạc đến nay.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành ghi lời khai của chị Trần Thị T V, sinh năm 1982, địa chỉ: ấp M, xã P, huyện T, tỉnh Tiền Giang để xác minh mâu thuẫn giữa anh P và chị M. Theo trình bày của chị V, xác định được: “trong thời gian sống chung, anh P và chị M có nhiều lần cự cãi, nguyên nhân xuất phát từ việc tiền bạc trong gia đình, anh Phúc đi làm còn chị M ở nhà chăm sóc con cái, nhưng không biết chị M làm gì gây nợ nần từ đó dẫn đến mâu thuẫn. Sau đó, chị M tự ý dọn đồ cùng 02 con bỏ nhà đi về quê ở Sóc Trăng sinh sống, từ đó mất liên lạc. Từ khi chị M bỏ đi, anh P và gia đình cũng có nhiều lần về quê của chị M tìm để hàn gắn nhưng chị M và gia đình chị M không có động thái gì hàn gắn”.

Tại phiên tòa hôm nay, anh P cương quyết ly hôn với chị M. Điều này chứng tỏ hôn nhân của anh, chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 51 và Khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn chị Châu T M của anh Trần V P.

[3]. *Về con chung*: Quá trình sống chung, anh P và chị M có 02 con chung là cháu Trần V Q, sinh ngày 18/4/2013 và cháu Trần Q D, sinh ngày 21/01/2016. Hiện các con chung đang sống cùng chị M. Khi ly hôn, anh P đồng ý giao 02 cháu Q, D cho chị M tiếp tục trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hiện các cháu Trần V Q và Trần Q D đang sống cùng chị Châu T M.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án không thể thực hiện được việc ghi nhận ý kiến, nguyện vọng của các con chung, tuy nhiên nguyên đơn anh Trần V P đồng ý giao các cháu Q, D cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Hội đồng xét xử xét thấy, hiện các cháu Trần V Q và Trần Q D đang sống ổn định cùng chị M nên cần thiết giao các con chung cho chị M tiếp tục chăm sóc, nuôi dưỡng là phù hợp. Anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- Về cấp dưỡng nuôi con chung: Do chị Châu T M không có yêu cầu Tòa án xem xét cấp dưỡng nuôi con chung. Tại phiên tòa hôm nay, anh P cũng có ý kiến sẽ thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con chung khi nào chị M có yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4]. *Về tài sản chung*: Anh Trần V P trình bày tài sản chung do hai vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết; chị Châu T M cũng không có ý kiến phản đối đối với trình bày của anh P nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[5]. *Về nợ chung*: Anh Trần V P khẳng định không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[6]. *Về án phí*: Anh Trần V P phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định tại Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[7]. *Về quyền kháng cáo*: Anh Trần V P và chị Châu T M có quyền kháng cáo bản án theo quy định tại các Điều 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[8]. Xét ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phước tham gia phiên tòa là phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 51, Khoản 1 Điều 56, các Điều 81, 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và gia đình;

- Khoản 1 Điều 28, Điểm a Khoản 1 Điều 35, Điểm a Khoản 1 Điều 39, các Điều 147, 179, 227, 266, 267, 271, 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Áp dụng Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Trần V P. Cho ly hôn giữa anh Trần Văn P và chị Châu T M.

2. Về con chung: Giao 02 con chung giữa anh Trần V P và chị Châu T M là các cháu Trần V Q, sinh ngày 18/4/2013 và cháu Trần Q D, sinh ngày 21/01/2016 cho chị M trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh P được quyền tới lui thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

- *Về cấp dưỡng nuôi con chung:* Anh Trần V P chưa phải thực hiện nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cho các cháu Trần V Q và Trần Q D do chị Châu T M chưa có yêu cầu

3. Về án phí: Anh Trần V P phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0020076 ngày 19/5/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Tiền Giang, xem như anh P đã thi hành xong nghĩa vụ chịu án phí hôn nhân sơ thẩm.

4. Về quyền kháng cáo: Anh Trần V P có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; chị Châu T M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa án tổng đạt hợp lệ bản án hoặc bản án được niêm yết công khai theo quy định, để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tiền Giang;
- VKSND huyện T;
- Chi cục THADS huyện T;
- UBND xã P;
- Các đương sự:
 - + Trần V P;
 - + Châu T M.
- Lưu hồ sơ vụ án;
- Lưu án văn.

Thạch Hải Âu